

## MỐI TƯƠNG HỢP GIỮA ĐẠO PHẬT VÀ SINH THÁI

---

PGS. TS. Indu Girish \*  
Thích nữ Tín Liên dịch

---

**B**ản chất của cuộc sống, hay của mọi hình thái sự sống nói chung, là phát triển. Con người phát triển để lớn lên, cây con phát triển thành cây lớn để tạo nên cả một cánh rừng, nụ phát triển thành hoa, các loài động vật cũng thế, hầu hết mọi thực thể, đều là một sinh vật đang sống hay nhân tạo đều phát triển với nhiều hình thức và tên gọi khác nhau, chẳng hạn như trưởng thành, phát triển, mở rộng, tăng trưởng, tiến trình, tiến bộ, v.v.. Có thể đó là sự tăng trưởng kinh tế, phát triển công nghiệp, tiến bộ kỹ thuật, phát triển quốc gia, mở rộng thị trường, v.v.. Vậy thì sự phát triển này cần phải như thế nào? Nhanh! Tất cả mọi nỗ lực của chúng ta đều nhắm vào vấn đề: làm sao đẩy mạnh sự phát triển? Làm thế nào để tăng tốc sự phát triển? Người ta muốn công nghệ nhanh hơn, quy trình sản xuất nhanh hơn, kết quả nhanh hơn, nhưng cái giá phải trả cho sự nhanh chóng ấy là gì? Có cần thiết để cho tốc độ chóng mặt này dẫn sự phát triển ngang qua con đường chông chênh cuối cùng kết quả trong khổ cực

---

(\*) Phân khoa Phật học và Văn minh - Đại học Gautam Buddha Greater Noida, Tiểu bang Uttar Pradesh, Ấn Độ

và khủng hoảng không? Con đường phát triển không thể được lập biểu đồ với một chút cẩn trọng, sáng suốt, công bằng và quan tâm hơn đến các thế hệ tương lai hay sao? Có phải sự theo đuổi tài sản vật chất và tiện nghi đã làm cho chúng ta mù mắt trước những tác hại đi kèm sau phát triển và cái chiều hướng trong đó sự phát triển đang dần cướp đi sự sống của chúng ta và của toàn thể hành tinh này hay không? Chẳng lẽ quan điểm của chúng ta thiên cận đến nỗi chúng ta không thể nhận thức được sự phá hủy lâu dài mà chúng ta đối diện, sự đau khổ mà cả hành tinh này phải gánh chịu?

Việc tổ chức đại lễ Vesak là để tưởng niệm sự kiện đản sanh, thành đạo, và nhập Niết Bàn của đức Phật, bậc Giác ngộ, Ngài đã sống vì công cuộc giải phóng nhân loại ra khỏi bóng tối của vô minh, tham dục và sân hận. Gần hai mươi lăm thế kỷ sau đó, trong đại lễ tưởng niệm lần này, do phải đối diện với khủng hoảng môi trường trầm trọng, con người mới nỗ lực giải thích nguyên nhân của khủng hoảng, của thoái hóa đi liền sau nó, và rồi tìm kiếm một lối thoát thông qua những lời dạy vượt thời gian của đức Phật, tìm tòi những phương cách cho một sự phát triển cân bằng, bền vững và hài hòa hơn đối với môi trường sinh thái. Càng ngày người ta càng nhận ra rằng sự khủng hoảng hiện tại không phải chỉ nằm ở môi trường mà là khủng hoảng đa diện liên quan đến các mặt kinh tế, chính trị xã hội, và quan trọng hơn thế, đó còn là sự biểu hiện của cuộc khủng hoảng sâu sắc về phương diện nhận thức, đạo đức và tâm linh.

Trong những năm gần đây, mối quan ngại về sự bền vững sinh thái, an toàn sinh thái, v.v.. đang là trung tâm điểm bởi tính chất trọng yếu và cấp bách của cuộc khủng hoảng có tính cách đầy nguy cơ đe dọa này. Sinh thái học, ngành khoa học nghiên cứu về mối liên hệ và tương tác giữa những sinh vật, những phần tử thực vật và phi thực vật của môi trường quanh chúng, giờ đây không chỉ là một bộ môn của ngành khoa học tự nhiên nữa. Nó cũng được gọi là “khoa học về sự cân bằng thiên nhiên”. Trong hơn ba tỷ năm tiến hóa, các hệ sinh thái khác nhau trên trái đất đã tự sắp xếp theo cách thức vô cùng tinh vi và phức tạp. Các hệ sinh thái của thiên nhiên về cơ bản là những cộng đồng bền vững gồm thực vật, động vật và các sinh vật

khác. Tính chất nổi bật nhất của sinh quyển là khả năng tự nhiên của nó trong việc duy trì sự sống cho vạn loài. Thế nên, một cộng đồng nhân loại phát triển bền vững hẳn phải được tổ chức sắp xếp theo phương cách nào đó mà trong đó lối sống của nó, các cấu trúc hữu cơ, nền kinh tế, thương mại, chính trị, v.v. của xã hội ấy không làm ảnh hưởng đến khả năng bảo tồn sự sống của thiên nhiên.

Khái niệm “phát triển bền vững” được Liên Hiệp Quốc giải thích là “sự phát triển đáp ứng nhu cầu trong hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai”. Hai mươi năm trước đây, Lester Brown – Viện trưởng Viện Worldwatch ở Washington DC đã mô tả một cách tương tự rằng một xã hội bền vững là xã hội có khả năng đáp ứng các nhu cầu của nó mà không làm giảm thiểu các cơ hội của thế hệ tương lai. Vì vậy, bền vững có nghĩa là nâng cao chất lượng cuộc sống của con người trong khi sống đồng thời hỗ trợ cho các hệ sinh thái. Đó là tình trạng hiện hữu trong các mối tương quan mật thiết với nhau, và điều này đòi hỏi tất cả các thành viên trong mạng lưới ấy phải hành động hài hòa với nhau.

Xung đột giữa kinh tế và sinh thái phát sinh từ thực tế: Thiên Nhiên thì hoạt động theo chu kỳ tuần hoàn, còn các hệ thống công nghiệp và thương mại cung ứng cho nền kinh tế hiện nay của chúng ta thì lại hoạt động hoàn toàn theo đường chiều dài. Các doanh nghiệp khai thác tài nguyên, biến chúng thành ra sản phẩm lẫn chất thải, rồi bán sản phẩm cho người tiêu dùng, những người này lại tiếp tục cho ra nhiều chất thải hơn trong quá trình sử dụng những sản phẩm ấy. Các tập đoàn sản xuất (các thực thể của liên hiệp công ty) xem các nguồn tài nguyên thiên nhiên như không khí, nước và đất là những thứ miễn phí và coi nhẹ mạng lưới các yếu tố xã hội vi tế. Kế đến, lợi nhuận cá nhân bất chấp những hậu quả liên đới đến xã hội, đặc biệt là hậu quả về sự thoái hóa môi trường và chất lượng cuộc sống nói chung, điều này cũng phải trả giá bằng cả những thế hệ mai sau. Cách tổ chức cuộc sống như thế không thể được xem là phát triển bền vững được. Phát triển đòi hỏi phải có nguồn tài nguyên, và Thiên Nhiên đương nhiên là nhà cung cấp hàng

---

1. “Our Common Future” (Tương Lai Chung Của Chúng Ta), báo cáo của Ủy ban Môi Trường và Phát Triển – Liên Hiệp Quốc, 1987.

đầu mọi nguồn tài nguyên, trên đó tất cả nền kinh tế và các hoạt động phát triển khác của chúng ta y cứ. Muốn được bền vững, phát triển bắt buộc phải được đặt trên các nền tảng an toàn về sinh thái.

Công nghệ kỹ thuật được diễn tả như là tri thức về ứng dụng tự nhiên nhằm phục vụ các mục đích của con người, nghĩa là đáp ứng các nhu cầu của phát triển. Từ thời xa xưa cho đến tận gần đây, khả năng ứng dụng này của con người vẫn còn hạn chế ở những thay đổi nằm ở cấp độ vi mô, và Thiên nhiên có thể tự phục hồi nhanh chóng. Thế nhưng sức mạnh của khoa học kỹ thuật, giống như một con dao hai lưỡi, đã trang bị cho con người khả năng điều khiển lớn hơn. Do bởi sự can thiệp và điều khiển của con người tăng lên theo cấp lũy thừa và ngày càng vô tội vạ hơn nhằm đáp ứng nhu cầu của vấn đề gia tăng dân số, điều này vượt quá mức phục hồi của các hệ sinh thái, nên hậu quả là chúng ta ngày càng phải gánh chịu sự hủy hoại nhiều hơn. Nói cách khác, nhân loại cùng với nền kinh tế của chúng ta đang liên tục tự phá hủy các cơ chế bảo vệ sự sinh tồn của chính mình. Kết quả là gì? Sự phát triển kinh tế hay công nghiệp là để tạo nên sự phồn vinh, tăng chất lượng cuộc sống của chúng ta và làm cho thế giới thịnh vượng lên. Thế nhưng, khi chúng ta hít vào buồng phổi một lượng độc khí nhiều hơn dưỡng khí trong mỗi hơi thở, khi chúng ta không thể giải tỏa cơn khát mà không nạp vào người các chất ô nhiễm đã hòa tan trong các loại thức uống, khi chúng ta không thể mua một loại trái cây nào không bị phun hóa chất, vậy thì chúng ta giàu có thế nào đây? Chúng ta có thực sự giàu hơn không, hay thực ra chúng ta bị nghèo hơn?

Thiên nhiên đã gánh chịu sự bất cân của con người, và những hậu quả ấy dưới nhiều hình thức như hiện tượng trái đất nóng dần lên, sự biến đổi khí hậu đáng báo động, hiện tượng sa mạc hóa do đốt phá rừng, mất đa dạng sinh học, lũ lụt, hạn hán và nạn đói, thay đổi tuần hoàn nước trên địa cầu, hiện tượng mực nước biển toàn cầu dâng, và còn nhiều hiện tượng khác nữa... Nguy cơ lớn nhất mà chúng ta hiện đang phải đối diện chính là vấn đề thay đổi khí hậu. Trường hợp gần đây nhất là hiện tượng sương mù tồi tệ chưa từng có trong vòng một thế kỷ qua đã xảy ra ở Hoa Kỳ, Ca-na-đa và Mê-xi-cô vào tháng

Giêng 2014, được quy cho sự thay đổi khí hậu bởi con người và là hệ quả của hiện tượng trái đất nóng dần lên.

Trái đất của chúng ta sở dĩ có thể cư trú được là nhờ hiện tượng nóng lên của các loại khí nhà kính có sẵn trong tự nhiên và sự biến chuyển của khí hậu, cho đến tận gần đây, hiện tượng nóng lên này vẫn do các nguyên nhân tự nhiên là chủ yếu. Nhưng điều chúng ta quan ngại là sự can thiệp quá đáng đến mức nguy hiểm của con người, nghĩa là tác động của con người vào sự biến đổi khí hậu, tốc độ biến đổi nhanh chóng cùng những khủng hoảng phát sanh từ đó, tất cả những thứ ấy đang đe dọa nhân loại cũng như các giống loài khác. Nếu chúng ta không chống đỡ nổi sự biến đổi khí hậu diễn ra nhanh chóng này, thì không phải trái đất bị hủy diệt, mà chính chúng ta sẽ bị hủy diệt.

Những kết quả của báo cáo đánh giá lần thứ tư (AR4, 2007) trong Hội thảo liên chính phủ về biến đổi khí hậu (IPCC) cho thấy các nhà khoa học đoán chắc đến 90% (95% trong bản hiệu chỉnh năm 2013) rằng hiện tượng trái đất nóng lên chủ yếu là do sự gia tăng mật độ khí nhà kính do các hoạt động của con người tạo ra. Bản báo cáo nêu rõ: Mật độ của khí CO<sub>2</sub>, mê-tan và ô-xy ni-trát trong khí quyển đã tăng lên đáng kể do các hoạt động của con người bắt đầu từ năm 1750 và đến nay đã vượt xa các tiêu chuẩn của thời kỳ tiền công nghiệp. Trong khoảng từ năm 1970 đến năm 2004, mức gia tăng của các khí nhà kính trên toàn cầu là 70%.<sup>2</sup> Năm 2013, hội thảo IPCC đã đưa ra báo cáo như sau: Người ta đã phát hiện ra tác động của con người trong vấn đề nóng lên của bầu khí quyển và đại dương, trong sự biến đổi vòng tuần hoàn của nước trên địa cầu, trong sự giảm thiểu băng tuyết, trong hiện tượng mực nước biển trung bình dâng lên, và trong sự biến đổi một số thái cực khí hậu. Chứng cứ về tác động này đã tăng lên kể từ bản báo cáo lần thứ tư năm 2007.

IPCC đã dự đoán rằng nhiệt độ trái đất sẽ tiếp tục gia tăng đáng kể trong thế kỷ 21. Hệ quả của sự gia tăng nhiệt độ này là nước biển sẽ dâng lên và thay đổi về lượng lẫn về cấu trúc kết tủa, đồng thời sẽ có chiều hướng mở rộng hiện tượng sa mạc hóa. Hiện tượng nóng lên của

---

2. Báo cáo đánh giá lần thứ tư của IPCC: Biến Đổi Khí Hậu 2007.

trái đất có lẽ diễn ra rõ rệt nhất ở vùng Bắc Cực cùng với sự giảm dần các sông băng và các tảng băng trôi. Một số hệ quả khác có khả năng xảy ra là thời tiết khắc nghiệt thường xuyên bao gồm sóng nhiệt, hạn hán và mưa lũ, hiện tượng nước biển bị a-xít hóa, và sự tuyệt chủng của một số loài sinh vật. Các hệ quả khác có xu hướng ảnh hưởng trực tiếp đến con người như nguy cơ thiếu hụt nguồn lương thực do thất mùa và mất diện tích canh tác do úng ngập.

Tầm quan trọng thiết yếu của việc bảo vệ tính bền vững cho môi trường đã được nhìn nhận và vì thế vấn đề này trở thành một trong những mục tiêu phát triển của thiên niên kỷ của Liên Hiệp Quốc – đó là 8 mục tiêu phát triển quốc tế và 18 mục tiêu nhằm vào việc hòa nhập các nguyên tắc phát triển bền vững vào các chương trình và chính sách quốc gia, cân bằng lại sự mất mát các nguồn tài nguyên môi trường, và hạn chế đáng kể sự mất đa dạng sinh học. Thêm vào đó, vấn đề bảo vệ sự bền vững của môi trường cũng nhằm vào việc giảm đi một nửa dân số không có đủ điều kiện để tiếp cận nguồn nước uống an toàn và điều kiện vệ sinh căn bản vào năm 2015, cũng như việc cải thiện cuộc sống cho ít nhất 100 triệu người đang sống trong các khu ổ chuột vào năm 2020. Tuy đây là vấn đề thuộc lĩnh vực môi trường, nhưng giải pháp của nó lại đòi hỏi sự kết hợp đồng bộ của tất cả các lĩnh vực hoạt động khác, kinh tế lẫn ngoài kinh tế, chính phủ lẫn cá nhân. Tư duy về bảo vệ môi trường cần phải được gieo mầm trong ý thức của mỗi cá nhân, mỗi cộng đồng, mỗi quốc gia, để từ đó phát sinh ra các hành động phù hợp. Chỉ khi đó, tư duy này mới có khả năng trở thành một lối sống. Luật pháp đơn phương sẽ không có tác dụng gì nếu vắng mặt ý thức và giáo dục luân lý, đặc biệt là luân lý về môi trường.

Bản thân tôn giáo không thể cung cấp một giải pháp công nghệ trực tiếp cho những vấn đề này nhưng tôn giáo xoay nhận thức của con người theo chiều hướng hiểu được tính nghiêm trọng của tình hình và khuyến khích họ hành động có ý thức, sống thận trọng, chín chắn hơn với các hành vi, thái độ và đức tính tốt. Tôn giáo và luân lý có sức mạnh như động cơ thúc đẩy, có thể nhóm lên “ý thức về sinh thái” trong quần chúng.

Phật giáo - con đường của thực tại và trí tuệ thâm sâu, của bình

đăng và từ bi, của giác ngộ và hạnh phúc – con đường này đã được mở ra cho chúng ta hai ngàn năm trăm năm qua. Triết lý nhà Phật hướng đến việc giải quyết các vấn đề môi trường bằng cách nỗ lực chạm đến cốt lõi của sự khủng hoảng đạo đức nhân loại và chữa lành căn bệnh này bằng cách tập trung tâm; bằng cách thực hiện một sự thay đổi trong suy nghĩ của con người – cội rễ của mọi hành vi của chúng ta; bằng cách điều chỉnh lại ý thức sai lệch của con người về đúng và sai; bằng cách phân tích các phương pháp kiểm soát các hoạt động của con người, chẳng hạn như thay đổi các giá trị và lối sống của họ, hay kiểm tra các tiêu chuẩn đạo đức về môi trường. Trong đạo Phật có câu: “Bồ Tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả”.

Các xem xét trên đây cho thấy rằng, Phật giáo có thể là một nguồn lực hướng đạo vững vàng và là một nguồn tri thức hữu hiệu đối với các giải pháp về môi trường. Phật giáo cung cấp cho chúng ta sự thấy biết thuộc về bản chất, sự thấy biết này lớn hơn bất kỳ hệ thống luật pháp, khoa học tự nhiên hay công nghệ kỹ thuật nào khác. Vì vậy, nỗ lực của người viết trong bản tham luận này là chứng minh ý nghĩa của vai trò của các giáo lý căn bản Phật giáo khác nhau trong việc giữ gìn và khôi phục môi trường.

### **GIÁO LÝ TƯ DIỆU ĐẾ**

Khủng hoảng sinh thái là một biểu hiện rộng hơn của khái niệm Khổ (Dukkha) trong đạo Phật.

Chân lý đầu tiên - là “Khổ đế” – áp dụng trong ngữ cảnh môi trường được hiểu là sự nhận thức về một thực tại hiện tiền căn bản, sự khủng hoảng môi trường đó là “Khổ” đối với con người, do các hành vi cố ý của con người đã làm tổn thương môi trường và đảo lộn cân bằng vi sinh thái.

Chân lý thứ hai - “nguyên nhân của khổ: Tập đế” – có thể được hiểu là các cội gốc bất thiện như tham lam (lobha), sân hận (dosa) và cội gốc nhận thức là si mê (moha). Đức Phật dạy rằng nguyên nhân gốc rễ của mọi ác pháp là tham, sân, si. Tâm Tham tạo nền móng vững chắc cho những ham muốn bất tận nhằm đạt được và tích lũy các dục lạc vật

chất, tính hơn thua tranh đấu cùng mọi nhiên liệu cần thiết cho một xã hội bị thống trị bởi chủ nghĩa tiêu thụ quá mức. Hệ quả của nó là thiếu sự quan tâm đối với đồng loại, đối với các thế hệ mai sau và với các sinh vật khác. Tâm Sân (dosa) tạo ra những cảm xúc giận dữ, hận thù cùng với những hành động hung hãn. Tâm Sân cũng có nghĩa là sự thiếu vắng tình thương, đồng cảm và quan tâm như được diễn tả trong Kinh Aganna, Trường Bộ Kinh (III, 80-98). Cùng với tham, sân còn có si, tức là thiếu sự hiểu biết về tình trạng khó xử này, cũng như tư tưởng cho rằng con người là trung tâm, cái mà trong thuật ngữ Phật giáo là muốn nói về tính chấp ngã vốn sâu dày trong tâm chúng sanh.

Vì vậy, quan điểm của Phật giáo về sinh thái là, bất luận chúng ta đang phải đối diện với khủng hoảng nào, dù liên quan đến môi trường xã hội hay môi trường sinh thái, thì những vấn đề ấy đều do chính tâm thức của chúng ta tạo nên. Các căn bản bất thiện tham, sân, si tạo nên móng cho khổ đau bất tận, và chúng đã thúc đẩy sự hình thành nên các hệ thống kinh tế và công nghệ nhằm tiếp tay cho con người trong việc điều khiển Thiên Nhiên.

Diệt trừ ba căn bản bất thiện trên sẽ đưa chúng ta đến sự giải thoát, nghĩa là “Diệt đế: sự đoạn tận khổ đau”. Do đó, thông điệp của chân lý thứ ba được đức Phật tuyên thuyết về phương diện môi trường có nghĩa là: Con người không hiểu rằng cốt lõi của vấn đề sinh thái không chỉ nằm ở việc làm sạch môi trường ô nhiễm về mặt vật lý, mà còn có vấn đề sâu xa hơn, đó chính là sự tái lập sự cân bằng giữa con người với Thiên Nhiên. Nhờ vậy, việc làm sạch, duy trì và bảo vệ môi trường có thể dừng lại những khổ đau do khủng hoảng môi trường gây ra thông qua sự phục hồi lại trạng thái cân bằng này.

Chân lý thứ tư – “Đạo đế”, hay “con đường dẫn đến sự chấm dứt đau khổ” – chính là phương thức mà Phật giáo ứng dụng để giải quyết vấn đề khủng hoảng sinh thái toàn cầu.

1. Chúng ta nên lấy Bi (karunà) và Từ (mettā) làm nền tảng cho một quan điểm bình đẳng cho toàn thể giới bao gồm cả môi trường trong đó. Từ Bi Kinh (Karaniyametta Sutta) là bài kinh khuyên chúng ta tu tập tâm Từ đến với chúng sanh muôn loại. Cũng giống như mạng sống của



một người là quý giá đối với người đó, cũng như thế, mạng sống của người khác cũng quý giá đối với họ. Do đó, một thái độ tôn trọng cần phải được tu tập đối với tất cả chúng sanh.<sup>3</sup>

2. Áp dụng phương châm “tiết kiệm và không lãng phí”, có nghĩa là sử dụng tài nguyên thiên nhiên sáng suốt, đúng đắn; và phá hủy nguồn tài nguyên này một cách vô tâm sẽ làm đảo lộn sự cân bằng cần thiết của sự sống.

3. Cân bằng sinh thái có thể được tái lập thông qua triết lý Sarvodaya, nghĩa là nâng đỡ tất cả, tôn trọng tất cả.

Trong thế giới đương đại, các cộng đồng Tăng sĩ đang phát triển những phương cách mới, đó là ứng dụng các giáo lý Phật giáo cổ xưa vào từng môi trường xã hội.

Bát Chánh Đạo cũng dạy cho chúng ta hãy tham gia tích cực nỗ lực vào việc phục hồi, bảo vệ, giữ gìn và nuôi dưỡng môi trường sống. Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định là những giới điều, nếu được thực hành theo một cách chân thật, sẽ giúp chúng ta nhận thức và sửa chữa những lỗi lầm trong quá khứ, đồng thời ngăn chặn những lỗi lầm trong tương lai. Các nguyên tắc này sẽ giúp ta thấy đúng, phán đoán đúng, quyết định đúng và hành động đúng. Chánh tư duy (= tuệ giác) là chiếc chìa khóa để chuyển hóa tâm thức và hành động của mình. Như Kinh Pháp Cú có câu:

Ý dẫn đầu các pháp,

Ý làm chủ, ý tạo.<sup>4</sup>

(Chúng ta là những gì chúng ta suy tư/ Tâm sở hiện khởi khi tâm vương hiện khởi/ Với tâm, chúng sanh tạo ra thế giới.)

Một khi tâm thức được thanh tịnh, thì hành động cũng thanh tịnh theo. Như thế, thái độ không hòa hợp với tự nhiên sẽ không còn nữa, và những tâm sở mới sáng suốt sẽ dẫn dắt hành động chúng ta được sáng

3. De Silva, Lily – Quan điểm Phật giáo về Tự Nhiên

4. Pháp Cú 2.

suốt hơn trong mối liên hệ với tự nhiên.

Điển hình là tại Pháp Giới Phật Hội, chư Tăng Ni cùng với Phật tử đang tham gia vào các công việc như tái chế; hướng dẫn cho tăng chúng và các người ủng hộ chùa không gây ô nhiễm không khí, đất và nước; trồng cây xanh trong đất chùa, đồng thời cũng thực hành những thực tập Phật giáo cổ xưa như phóng sanh chim, thú; qua đó, họ đang làm phát triển một sự quan tâm sinh thái mới khi đảm bảo rằng những sinh vật kia được trả về đúng với môi trường sống phù hợp của chúng. Lý thuyết về sinh thái thẩm nhuần tâm bi (compassionate ecology) cũng được dạy tại các Phật học đường của Hội.

Cũng cần nêu lên thí dụ về lý thuyết Sinh thái sâu (Deep ecology), một trong những đóng góp chính yếu của Phật giáo nhập thế đối với vấn đề bảo vệ môi trường. Nhờ vào Lý Duyên Khởi và tư tưởng về một cái Ngã rộng hơn, sự thực hành của lý thuyết này đã cho chúng ta thấy nhiều kết quả khả quan.

## **LÝ DUYÊN KHỞI**

Khái niệm vạn pháp tương quan là nền tảng quan trọng nhất trong lời dạy của Đức Phật, và giáo lý này thường được viện dẫn như là một sự gặp gỡ, tương hợp với nhau giữa đạo Phật và lĩnh vực hệ sinh thái. Khái niệm này cũng được hiểu là “duyên sinh”, nghĩa là mọi sự vật trên cuộc đời này hiện hữu qua một tiến trình của những nhân và những điều kiện được sanh ra; hoặc, những nhân và duyên cho sự sinh ra những vật khác. Như vậy, sự sống là một mạng lưới lớn của tương quan tương duyên, trong đó thật không đúng khi nghĩ rằng mọi vật trên thế gian này độc lập với nhau.

Ngày nay, những chuyên viên về môi trường và sinh thái đồng ý rằng địa cầu là một hệ thống cân bằng thật vi tế của những thành phần tương quan với nhau. Môi trường được quan niệm như là một hệ thống thiên nhiên và xã hội trong đó nhân loại và các phần tử khác đang sống và có

được sự nuôi dưỡng cũng từ đó.<sup>5</sup>

Sự liên hệ hỗ trợ giữa người và thiên nhiên được diễn tả trong kinh Chuyển Luân Thánh Vương Sư Tử Hống (Trường Bộ Kinh III, kinh 26, tr.58- 77). Trọng tâm của bài kinh về “Chiến tranh, sự xấu ác và Tài sản” này nhấn mạnh về bản chất liên hệ đến luật của định lý duyên khởi, nơi đó qui định đạo đức thống trị tối thượng. Khi loài người sống vô đạo đức do lòng tham, nạn đói kém như là một hệ quả tự nhiên; khi đạo đức bị suy thoái bởi vô minh, những nạn dịch là kết quả; và khi lòng sân và hận thù hiện khởi, lối sống bạo lực được thay thế cho lối sống theo pháp luật. Chúng ta cũng được nói rằng, sự nhận ra những căn bản bất thiện qua những dấu hiệu về hoàn cảnh khốn khó của con người, và khi họ thay đổi tâm tánh, họ bắt đầu thụ hưởng một nền kinh tế phồn thịnh, chất lượng đời sống tốt đẹp và thọ mạng lâu dài hơn. Như vậy tham, sân, si làm vẩn đục tâm hồn cũng làm vẩn đục môi trường sống của chúng ta. Ý nghĩa của bài kinh này đặt trọng tâm ở chỗ tầm quan trọng của các nguyên tắc luật lệ phải được tôn trọng bởi các vua “chuyển luân thánh vương.” Các bản Sớ giải sau này đã xây dựng quan điểm này dưới hình thức 5 định luật tự nhiên trong vũ trụ, đó là: *utuniyàma* (định luật về thời tiết, khí hậu), *bija-niyàma* (định luật về di truyền hạt giống), *citta-niyàma* (định luật về tâm), *kamma-niyàma* (định luật về nghiệp: nhân-quả) và *dhamma-niyàma* (định luật về pháp: qui luật của một số hiện tượng thiên nhiên). Những định luật này bao gồm các lãnh vực vật lý, sinh học, tâm lý - đạo đức và thiên nhiên chi phối vạn hữu vũ trụ. Nếu nhân loại sống thuận theo những qui luật này, họ sẽ có khả năng sống hài hòa với thiên nhiên. Qua khảo sát tỉ mỉ định lý duyên khởi, chúng ta sẽ có được một khung cảnh về toàn thể vũ trụ rộng lớn hơn, để hiểu biết về cách cư xử của con người và những hậu quả của chúng đối với môi trường xung quanh.

Đạo lý về môi trường trong Phật giáo có thể được nhận thấy qua sự áp dụng thực tiễn của nguyên lý “*asmiñ sati idam hoti*”- cái này sinh, cái kia sinh, do sự diệt của cái này, cái kia diệt. Theo tiến trình duyên

---

5. De Silva, Padmasiri – Phật giáo, Những nguyên tắc đạo đức và xã hội – cuộc xung đột và tình trạng khó xử trong thời đại của chúng ta, Monash Asia Institute, Clayton, Australia.

sinh này, trong lãnh vực môi trường, có thể thấy nó phù hợp với công thức truyền thống- do dực tham, có sự bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng hiện khởi; do có sự bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng, có sự sản xuất hàng hóa; do có sự sản xuất hàng hóa, có việc khai thác tài nguyên; do có việc khai thác tài nguyên, có việc thải khí nhà kính; và do có việc thải khí nhà kính đã làm thay đổi khí hậu, và như vậy “sự khổ đau” hiện hữu là do lòng tham dục, chỉ do lòng tham dục mà thôi.

Sự nhận biết nguyên nhân của sự khổ đau chỉ ra cho chúng ta hướng đến một giải pháp khả thi. Cho đến nay, hầu hết giải pháp đã được đề nghị hoặc đã được thực hiện đều thất bại vì chúng không tập trung vào nguyên nhân chủ yếu. Có một sự theo đuổi, tìm cầu trong một phạm vi lớn về những phương cách để làm thỏa mãn những thèm khát dục vọng của chúng ta mà không làm tổn hại đến môi trường sống, điều ấy cuối cùng là một sự cố gắng vô vọng. Một cách căn bản mà nói, xã hội ngày nay sống thỏa thích, phí phạm và không biết dự phòng trong việc sử dụng nguồn tài nguyên, mà những tài nguyên này bắt nguồn từ hệ thống những giá trị của chúng ta, hệ thống này được đặt nền tảng trên việc tìm cầu hạnh phúc bằng cách thỏa mãn các giác quan. Vấn đề cơ bản không phải là chúng ta sẽ sản xuất vật dụng bằng cách nào, nhưng đó là vấn đề chúng ta đang dùng xài và như vậy, sản xuất vượt quá nhu cầu thiết yếu cần cho sự duy trì sức khỏe thể chất và hạnh phúc.

Giải pháp có thể được khám phá, không phải bằng cách thay đổi những phương tiện để sản xuất ra những đồ vật đó, nhưng bằng cách làm với số lượng ít hơn. Điều này sẽ cần một sự thay đổi căn bản trong hệ thống giá trị (chỉ cho danh và sắc này) của chúng ta, nghĩa là tìm thấy hạnh phúc mà không tùy thuộc vào sự thỏa thích phóng túng hay mức tiêu thụ nguồn nguyên liệu. Đây là chỗ mà tôn giáo, đặc biệt những giáo lý truyền thống có thể đóng góp được. Đạo Phật hướng dẫn chúng ta hãy tìm thấy hạnh phúc chân thật từ bên trong chúng ta. Đức Phật đã tán thán “thiền định” (*jhàna*) như là sự hạnh phúc tối thượng vượt hẳn hạnh phúc của dục lạc. Phẩm chất đạo đức cần tu tập là hạnh thiếu dục - tri túc (ít muốn, biết đủ, bằng lòng với cái ít). Phẩm chất đạo đức này nếu được thâm thấu một cách hoàn toàn, sẽ tạo nên sự hài lòng mà không cần tìm cầu sự hạnh phúc tạm bợ, nhất thời do giác quan đem lại.

Sự đóng góp của những cộng đồng tu sĩ này sẽ mang đến lợi ích lớn lao cho thế giới trong thời buổi nhiều khủng hoảng này.

Như vậy, nỗ lực kiểm soát lòng tham muốn và học cách sống hài hòa, phù hợp với vị trí của chúng ta trong thế giới tự nhiên, và kết nối lại với mạng lưới hỗ tương duyên sinh mà chúng ta là một thành phần trong đó- cả hai biện pháp này sẽ giúp chúng ta chuyển đổi thế giới trở thành một nơi tốt đẹp hơn.

### GIÁO LÝ VÔ NGÃ

Một trong những sự áp dụng của nguyên lý duyên sinh này là giải thích lời dạy của Phật về “vô ngã”, nghĩa là không có một chất liệu nào trường tồn vĩnh viễn được gọi là “linh hồn” trong thân thể này, và ngay cả những thực thể khác trong thế giới thực nghiệm, cũng không có bất cứ một cốt lõi thực chất nào, vì mọi sự vật đều không ổn định, hay là một dòng chảy liên tục, thay đổi trong từng phút giây. Sự không có một chất liệu nào được xem như là cái ngã thực sự đã đưa đến sự chấp nhận rằng tất cả mọi người đều bình đẳng. Vì vậy, chúng ta có thể tuyên bố rằng, trong toàn bộ môi trường mà chúng ta sống “không có bất cứ người nào trong chúng ta là trung tâm của vũ trụ cả.” Từ quan điểm Phật giáo, loài người không là một thể loại đặc biệt hay tách rời khỏi mọi chúng hữu tình khác, về bản chất họ cũng không phải thuộc cấp cao hơn. Tất cả loài hữu tình được xem bình đẳng với nhau.

Xem sự vật trong phương cách như là một công cụ, có nghĩa là, luôn xem mọi vật về phương diện lợi ích của chúng đối với con người là một khía cạnh tự kỷ trung tâm. Hầu hết chúng ta đều xem xét mọi vật chỉ theo khía cạnh này, và xem các vô tình chúng sanh như là đối tượng cho sự sử dụng dùng xài của con người. Sự kiện ấy một cách đơn giản chỉ là sự biểu hiện của căn bản vô minh của chúng ta mà thôi.

Một cách tổng quát, chúng ta không thể phủ nhận giá trị về tính cách công cụ này, vì chúng ta liên tục cần nhiều thứ để sống còn. Cho đến khi chúng ta không lạm dụng thiên nhiên để thỏa mãn lòng tham của chúng ta, thì việc xem thiên nhiên như là một công cụ cũng không phải tệ. Thực ra nó là nguồn gốc cho một sự quan tâm và lòng

kính trọng cao trong đạo Phật.

Có một sự quan tâm lớn đối với cây bồ đề, dưới tàng cây ấy Đức Phật đã chứng đạt sự giác ngộ; và chính đức Từ phụ đã bày tỏ tấm lòng tri ân của Ngài đối với cây đã cung cấp cho Ngài nơi trú ẩn trong thời điểm phần đầu cho giác ngộ. Thiên nhiên, nơi hoang sơ hay rừng rậm được đánh giá cao như là nguồn cung cấp những chỗ ở thiên nhiên vô nhiễm lý tưởng cho tiến trình thực tập tự rèn luyện trong Phật giáo. Trong những bài kinh Đức Phật thường dạy các Tỳ kheo hãy sống những nơi núi rừng xa vắng tịch tịnh, hoặc gốc cây hoặc những nơi trống vắng của thiên nhiên. Tuy nhiên, để phát triển sự hòa hợp với thiên nhiên trong những trú xứ này, hành giả phải đi vào rừng sâu, bỏ lại sau lưng mọi dục vọng, dính mắc, sân hận, sợ hãi và nghi ngờ, với phương cách này, tâm trí vị ấy sẽ không bị chi phối bởi tiếng xào xạt của gió, tiếng lá rơi và tiếng chân di động của con công.

Đồng thời, sự vật trong Phật giáo cũng được xem như có một giá trị nội tại – đó là tự chúng có giá trị ‘như chúng đang là’, chưa kể đến sự lợi lạc của chúng đối với những sự vật và chúng sinh khác. Những lời dạy của Phật làm cho vạn pháp trở nên thiêng liêng, thánh thiện. Luật Tạng dạy rằng - “Vị Tỳ Kheo sẽ bị phạm tội khi đổ nước trên đất, nếu biết trong nước ấy có chúng sinh đang sống, và hành động đổ nước ấy sẽ làm hại chúng.”<sup>6</sup> Điều này cũng có thể được thấy là, theo Đức Phật, vì tầm quan trọng đối với thiên nhiên và môi trường mà Ngài đã sẵn sàng đặt ra qui luật rằng vị Tỳ kheo không được phép chặt đốn cây cối, nếu vi phạm luật này sẽ bị mắc tội ba dật đề ‘*pàcittiya*’ *bijaga mabhu taga masama rambha pa tiviratihoti*.<sup>7</sup> Chư Tăng chư Ni cũng phải đề phòng ngay cả do vô tình giết hại sanh linh. Chư vị cũng không được phép đi du hành trong mùa mưa, vì có thể dẫm đạp chồi non, cây nhỏ, và làm tổn hại các côn trùng cũng như những vi sinh vật khi chúng xuất hiện trên đường trong mùa mưa.<sup>8</sup> Đức Phật quan tâm đến sự vô tình giết hại chúng sanh khi đào đất, đốn cây và phá hoại các loài cây cỏ.<sup>9</sup> Đức Phật

6. Vinaya LL.7

7. Dn. Vol I., kinh Sa Môn Quả, Nalanda Edition, 1956

8. Vinaya I, 137.

9. Vinaya IV, 34; I, 137,138; IV, 296; IV, 32, 33; IV,49, 125

cũng không cho phép người Phật tử làm các nghề giết thịt và đánh bắt cá (chánh mạng: *sammàjīva*).

Do vậy, chúng ta thấy rằng Phật pháp ứng dụng chấp nhận cả hai quan điểm này như bình đẳng nhau, nghĩa là, chấp nhận sự vật cả hai dưới dạng giá trị vật chất dùng xài cũng như giá trị về bản chất thực sự. Một quan điểm như vậy, theo lý tưởng mà nói, sự vật có thể được giải thích qua các từ “Như Thị”, “như vậy” có nghĩa là, thái độ đúng đắn về môi trường thiên nhiên là hiểu biết “Bản chất thực sự của chúng như chúng đang là” – *yathabhutanandassana*.

### **ĐỐI XỬ BÌNH ĐẲNG ĐỐI VỚI TẤT CẢ CHÚNG HỮU TÌNH**

Cả hai Phật giáo Đại thừa và Nguyên thủy nhận thức rằng các loài động vật cũng là những chúng sanh, nghĩa là chúng có tri giác và có thể đau khổ. Vì cả hai con người và động vật là những chúng sanh cùng đang quay trong vòng tái sinh liên tục trong cuộc sanh tử luân hồi. Sự hiểu biết này khắc sâu một cảm giác gần gũi đối với thế giới động vật và phát triển sự nhận biết rằng về căn bản chúng ta cũng không khác gì với các loài động vật.

Sau khi đã phát triển sự nhận biết rằng loài thú cũng đau khổ, Đạo Phật một cách rất rõ chỉ ra rằng, thật không tốt cho bất cứ loài hữu tình nào chịu đau khổ và người ta nên tránh gây ra những đau khổ như vậy và cố gắng làm cho mất đi khi nó hiện hữu. Như vậy, giới đầu tiên của Phật giáo dành cho người Phật tử là cố gắng tránh xa sát sanh, làm tổn hại hay gây đau khổ cho bất kỳ chúng sanh nào bao gồm con người và thú vật. Đức Phật lên án việc gây ra đau đớn cho các sinh linh.<sup>10</sup> Đây có lẽ dường như là lý do chính mà Đức Phật đối lập với các nghi thức tế lễ được thực hiện trong thời kỳ Vệ Đà, trong các tế lễ ấy những con vật vô tội đã bị họ sát hại. Một lý do không kém quan trọng nữa là sự chặt đứt cây cối, vì những thân cây được yêu cầu trong quá trình thực hiện tế cúng đúng pháp. Kinh Cứu La Đàn Đầu thuộc Trường Bộ Kinh<sup>11</sup> lên án hành động cố ý phá hoại thiên nhiên với danh nghĩa tế

10. Pànàtipàta Veramani Sikkhāpadam Samādiyāmi

11. Dn., vol II, p.173 – 185 PTS, London

cúng các vị Thần Trời.

Do vậy, nền tảng căn bản của đạo đức Phật giáo là không làm tổn hại các loài động vật và có tình thương (tâm bi) đối với tất cả chúng hữu tình, không phân biệt giữa chúng sanh 2 chân, 4 chân hay là không có chân. Do vậy, Kinh Tập đã diễn đạt những cảm xúc của Đức Phật như sau:

*Bất cứ loại hữu tình có hơi thở nào/ Dù chúng yếu ớt hay khỏe mạnh/  
Bất luận chúng dài hay lớn/ Hay trung bình, hoặc ngắn hoặc nhỏ/ Hoặc  
mập, cũng như hữu hình, vô hình/ Hay chúng ở xa hoặc gần/ Hiện hữu  
hoặc chưa hiện hữu/ Cầu mong tất cả chúng sanh đều được thọ hưởng  
phước lành.<sup>12</sup> ( HT TMC dịch: Mong tất cả những ai/ Hữu tình có mạng  
sống/ Kẻ yếu hay kẻ mạnh/ Không bỏ sót một ai/ Kẻ dài hay kẻ lớn/  
Trung, thấp, loài lớn, nhỏ./ Loài được thấy, không thấy/ Loài sống xa,  
không xa/ Các loài hiện đang sống/ Các loài sẽ được sanh/ Mong mọi  
loài chúng sanh/ Sống hạnh phúc an lạc.<sup>13</sup> )*

### GIÁO LÝ BẤT NHỊ (NON- DUALISM)

Triết lý Phật giáo Bắc truyền rất đề cao tư tưởng giáo lý ‘bất nhị’, có nghĩa là ‘từ bỏ hai cực đoan.’ Nhưng theo ý nghĩa về ngôn ngữ học, ‘bất nhị’ nghĩa là ‘không hai’ và đó là phản ảnh khái niệm Suynyata hay ‘tính không’. Suynyata nghĩa là mọi sự mọi vật tùy thuộc vào những nhân và những điều kiện (lý duyên sinh) duyên cho sự phát sinh của chúng, vì vậy chúng không có một bản chất riêng hiện hữu được gọi là ngã, và chúng không hiện hữu độc lập, do vậy chúng là ‘không.’ Vì vạn pháp không hiện hữu độc lập, cách suy nghĩ này tuyệt nhiên đã dẫn đến xóa sạch tất cả mọi biên giới ngăn chia, chẳng hạn như khái niệm ‘người’, ‘cây’ hay ‘thú’...v.v.v và bày tỏ đối với vạn pháp bằng một thái độ thương mến, thiện cảm trong một toàn thể thống nhất không phân biệt.

12. Sn. V, 143 - 52

13. HT Thích Minh Châu, Tiểu Bộ Kinh, Tập I, kinh Từ Bi kệ 146-147, NXBTPHCM 1999, tr.507-8 (NDịch)



## KẾT LUẬN

Tầm quan trọng về mối quan hệ cùng sinh tồn của con người với thiên nhiên không thể nào giảm đi được. Đạo Phật vốn bao gồm sự quan tâm và chăm sóc thiên nhiên như sự sống của mình, khuyến khích đầy mạnh những nỗ lực với quan điểm vun đắp sự hòa thuận giữa con người và thiên nhiên mà không phải chờ khi những khủng hoảng xảy ra đến lúc đó mới đi tìm những biện pháp giải quyết từ nơi những lời dạy xuyên suốt thời gian này. Đạo Phật không dạy chúng ta lạnh lùng đối với môi trường xung quanh. Đức Phật nhấn mạnh nhu cầu phải bảo vệ môi trường bằng sự thiết lập những quy luật thích đáng. Để có thể duy trì sự thăng bằng, nhân loại phải giữ gìn và nuôi dưỡng môi trường và phải đảm bảo chắc chắn rằng tất cả những hành động vì lợi ích của họ sẽ không tạo nên sự hủy diệt sự sống xung quanh.

Vì tất cả hành động của chúng ta bắt nguồn nơi tâm thức, nên quan điểm cùng sự thực hành trong Phật giáo cố gắng khuyến khích sự thay đổi suy nghĩ của con người và do vậy những việc làm của họ, mang những suy nghĩ từ sự ích kỷ nên đổi thành lòng vị tha; từ sự ham muốn thỏa mãn đổi thành sự kiềm chế và từ những thái cực hóa đến quân bình. Đạo Phật cho rằng hạnh phúc thật sự phải được cởi mở từ tâm thức nhưng không được lầm lẫn với hạnh phúc nhất thời mà chúng ta đấu tranh để có được bằng sự thỏa mãn những ham muốn và vượt quá mức sử dụng. Sự thay đổi này phải đặt lên hành đầu, trước bất kỳ những hoạt động liên hệ đến các vấn đề về môi trường. Khởi động bằng sự tự sửa đổi nơi chính chúng ta trước khi ra thế giới bên ngoài, bao gồm sự nhận thức về mối liên hệ hữu tương.

“Người ta đã quên rằng không phải thế giới của chúng ta, mà chính chúng ta là nguyên nhân của tất cả vấn đề; chỉ bằng sự tái thiết lập suy nghĩ và hành động của chúng ta, chẳng những chúng ta có thể giải quyết các vấn đề của chúng ta và thế giới chúng ta quanh chúng ta nữa.” (Izlo 1978)

Hệ thống đạo đức Phật giáo thiết yếu chứa đựng các giới luật (là một phần của Bát Chánh Đạo) nhằm duy trì đời sống trong sạch điều

này bao gồm sự giữ giới, thực hành chánh niệm và phát triển tuệ giác. Chúng không chỉ là những quy luật chỉ cần chấp hành mà vấn đề nằm ở sự thanh lọc tâm và phát triển nhân cách đó chính là điểm cốt yếu (của giới) vậy. Đức Phật cũng nhấn mạnh rằng môi trường thiên nhiên trong sạch sẽ nâng cao đời sống nội tâm.

Trong một bài pháp, Ngài dạy rằng – “khi một vị tỷ kheo nhận y áo, những y phục cũ không bỏ đi mà được dùng làm khăn trải giường; khi những khăn trải này cũ đi thì nhồi vải lại làm thành nệm đắp; khi nệm vải nhồi cũ quá thì cắt thành những khăn đắp nhỏ; rồi thành giẻ lau và thậm chí khi giẻ lau mục nát thì nhồi chúng với đất sét để trám các vết nứt trên sàn hay trên tường.” (VinayaII;291) Tương tự như vậy, người gia chủ tạo lập tài sản vì nhu cầu cuộc sống theo như cách mà con ong lấy mật nhưng không làm tổn hại đến hoa (Dn.III,189). Tánh tiết kiệm, tâm rộng lượng, sự cẩn thận, hay chia sẻ, cần cù siêng năng và tiền kiếm được bằng sức lao động từ mồ hôi nước mắt, tất cả những điều này tạo thành một tấm thảm phong phú hứa hẹn một đời sống đơn giản và yên vui (de Silva, 1998, 156).

Những gợi ý như trên không thể hiện tâm trạng đau khổ mà là sự sáng suốt và chánh niệm trong việc sử dụng các tài nguyên có được. Quan điểm về sự tiết kiệm, chia sẻ, siêng năng cần cù và kiếm tiền bằng sức lao động đưa đến sự giảm bớt tổn phí và sự sử dụng cẩn thận hơn về các tài nguyên, cuối cùng đóng góp vào việc ngăn chặn sự phá hoại không đáng và sự lãng phí các nguồn dự trữ của thiên nhiên.

Tinh thần Phật giáo về môi trường có thể thấy rõ ràng trong sự diễn đạt của Đức Dalai Lama, về sự phát triển Tây Tạng thành khu vực bất bạo động (Ahimsa) – “Lãnh thổ Tây Tạng sẽ được chuyển thành một công viên thiên nhiên lớn nhất thế giới hay một khối cầu về hệ sinh thái. Luật lệ nghiêm khắc cần phải được đẩy mạnh để bảo vệ đời sống hoang dã và đời sống thực vật; những việc làm phương hại đến các tài nguyên thiên nhiên cần được cẩn thận chính đôn do vậy sẽ không phá hủy hệ sinh thái; và chính sách về sự có thể duy trì phát triển sẽ được chọn áp dụng nơi những khu vực có đông dân cư.” (H.H. The 14<sup>th</sup> Dalai Lama, Giải Nobel Hòa Bình, ngày 11.12.1989). Vị tu sĩ người Việt Nam Thích Nhất Hạnh cũng có cùng suy nghĩ

cho việc bảo tồn môi trường trong tương lai. Ngài nói: Chúng ta đối xử với thiên nhiên giống như chúng ta đối xử với chính chúng ta! Chúng ta không hủy hoại chúng ta; chúng ta không hủy hoại thiên nhiên. Hủy hoại thiên nhiên tức là đang hủy hoại chính chúng ta, và ngược lại. Nếu chúng ta biết làm cách nào để đối xử tốt với chính chúng ta và những người thân thiết, thì chúng ta sẽ biết cách đối xử tốt với môi trường. Do vì không quan tâm đến bất kỳ ai trong số đó, chúng ta sẽ hủy hoại tất cả chúng (Hanh, 1988, in Epstein, 40-46).

Các vấn đề xuất hiện khi lợi nhuận kinh tế như động cơ thúc đẩy chính quan trọng hơn các mối quan tâm về đạo đức và xã hội. Cho đến khi nào các hoạt động về kinh tế không được chỉ đạo bởi nguồn gốc bất thiện của tham và vô minh, thì chúng ta có thể trau dồi trí tuệ để thấy giá trị nội kết của mọi vật xung quanh chúng ta bên cạnh những giá trị công cụ vật chất và phát triển tầm nhìn trong sạch và đạo đức để đẩy mạnh tính nhạy cảm đối với hệ sinh thái và làm việc hướng đến duy trì sự sống.